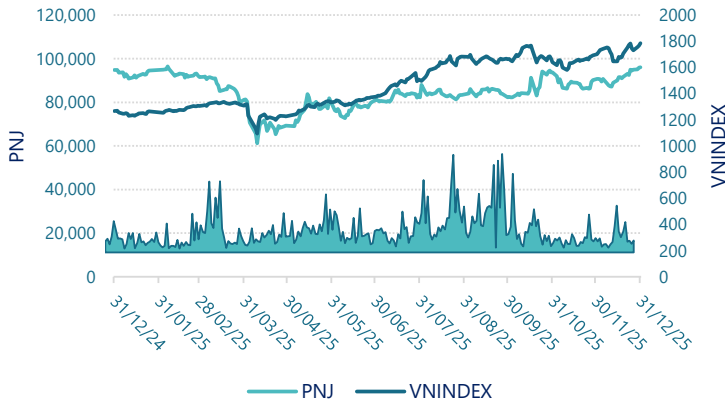




CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (HSX: PNJ)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	97,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	96,448
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	61,186
SL cổ phiếu LH	341,149,107
KLGD BQ 20 phiên (CP)	561,290
% sở hữu nước ngoài	48.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	33,091
P/E	11.7
EPS	8,294

DT thuần

Q4/25

9,623

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1,487 | 18.3%

YoY: ▲ 1,042 | 12.1%

LN sau thuế

Q4/25

1,219

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 723 | 146%

YoY: ▲ 486 | 66.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

10.5%

+/- YoY: ▲ 3.4%

DT thuần

2025

34,976

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 2,847 | -7.5%

LN sau thuế

2025

2,829

tỷ VNĐ

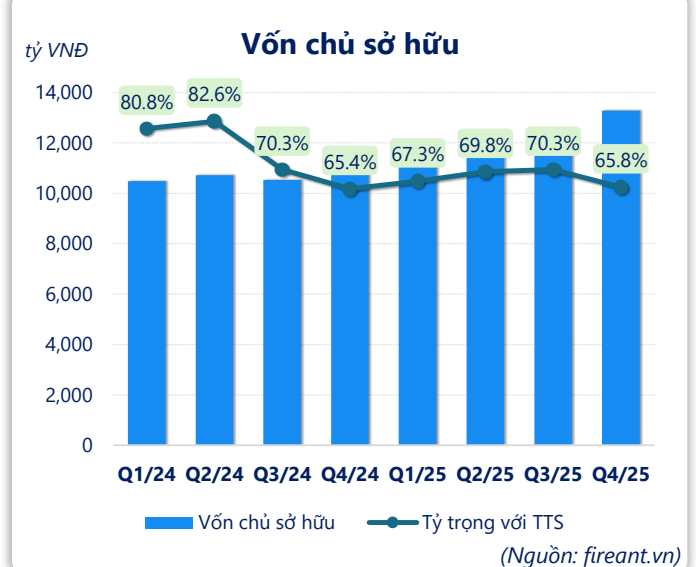
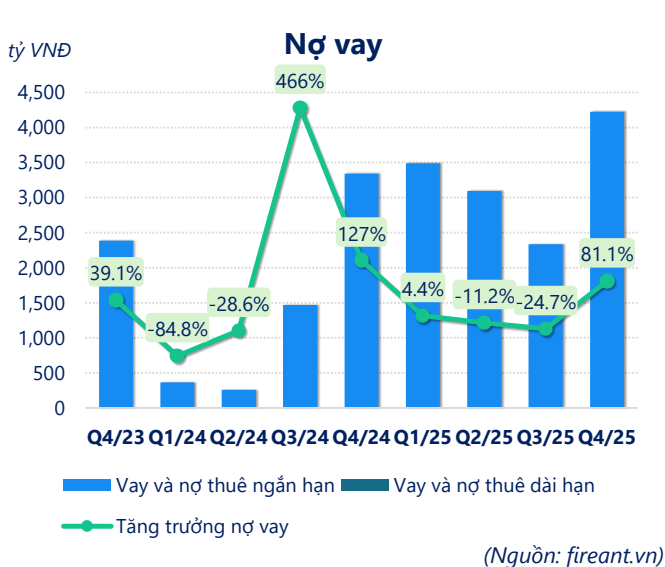
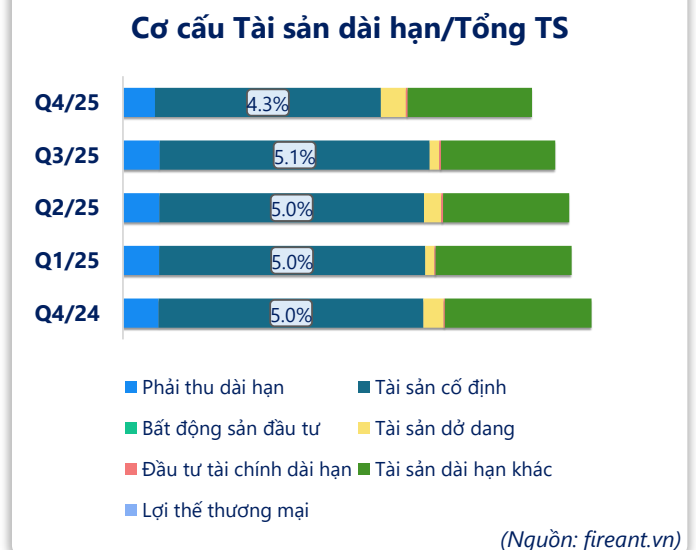
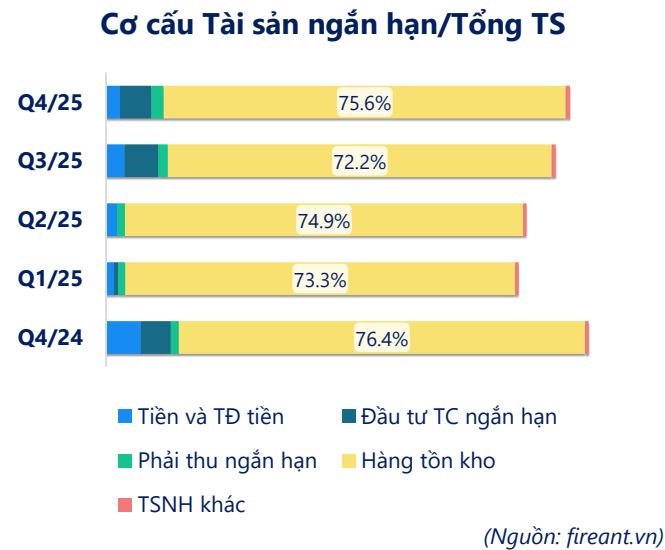
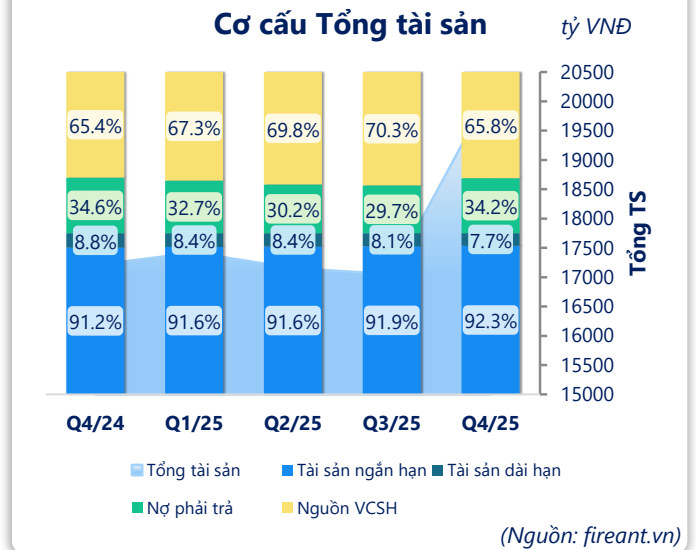
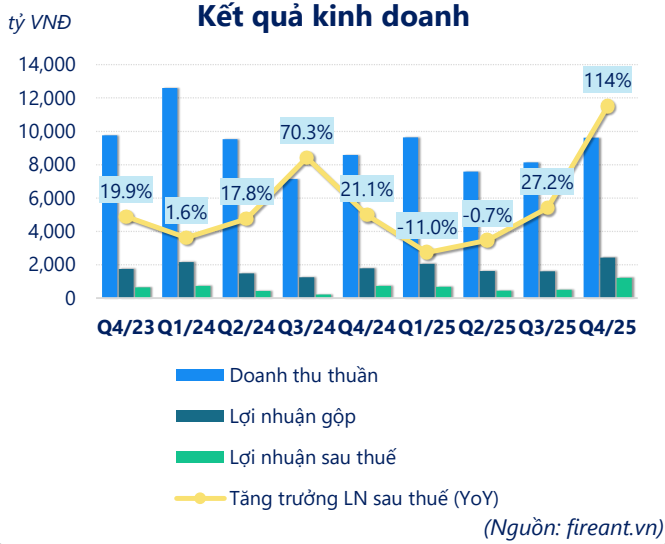
YoY: ▲ 716 | 33.9%

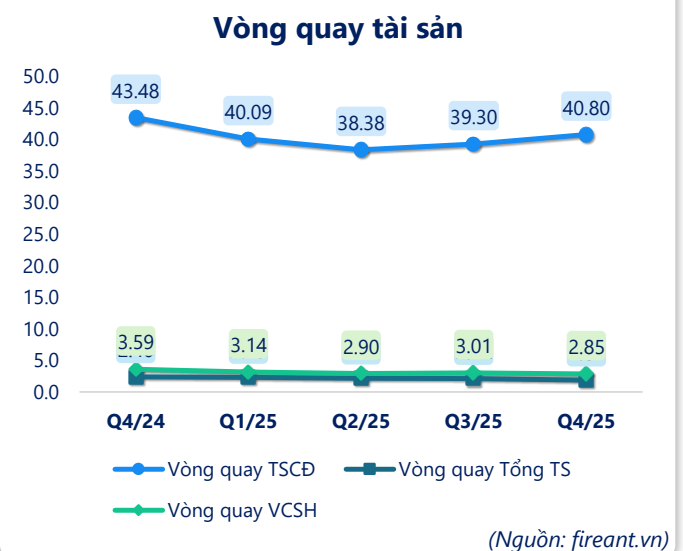
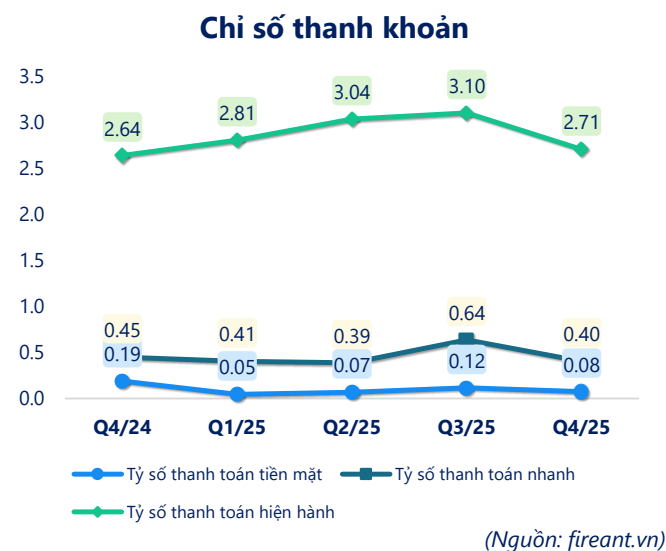
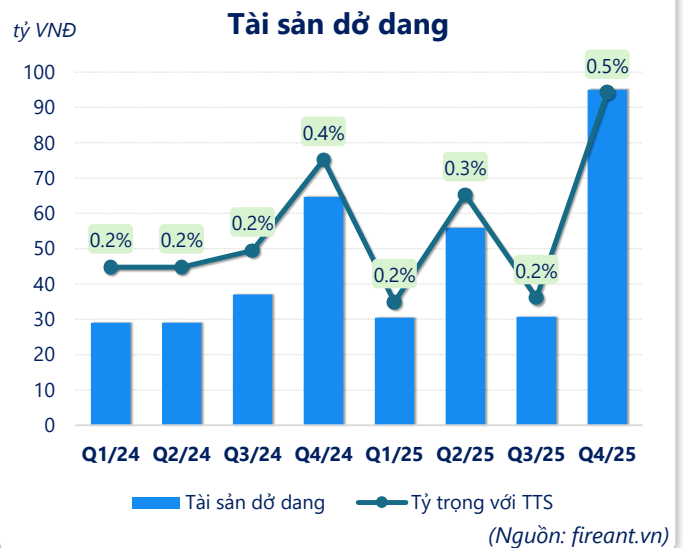
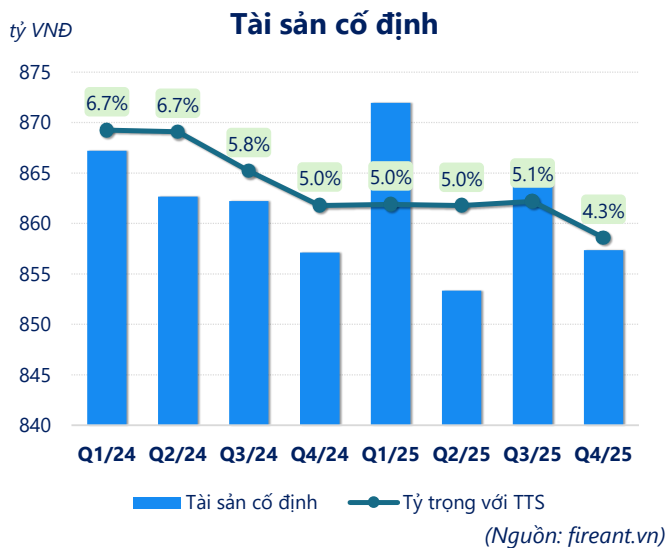
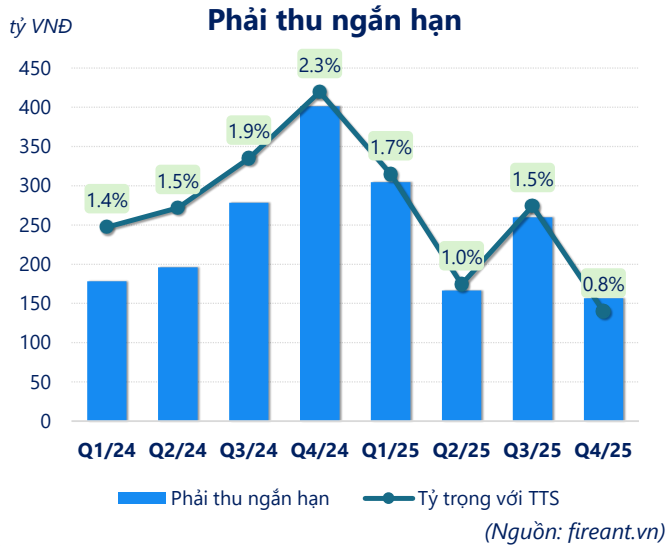
ROE

2025

23.1%

+/- YoY: ▲ 3.0%





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	17,207	17,419	17,154	17,051	20,168
Tài sản ngắn hạn	15,691	15,950	15,714	15,664	18,617
Tiền và tương đương tiền	1,123	257	346	585	522
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,020	1,621	1,369	2,246	2,007
Phải thu ngắn hạn	401	305	166	260	157
Hàng tồn kho	13,013	13,647	13,709	12,449	15,836
Tài sản ngắn hạn khác	133	120	123	124	95.5
Tài sản dài hạn	1,516	1,470	1,440	1,387	1,551
Phải thu dài hạn	116	118	118	118	121
Tài sản cố định	857	872	853	865	857
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	64.7	30.4	55.9	30.7	95.0
Đầu tư tài chính dài hạn	3.98	3.98	5.93	5.93	5.93
Tài sản dài hạn khác	475	445	407	367	472
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	5,950	5,689	5,184	5,059	6,893
Nợ ngắn hạn	5,940	5,678	5,174	5,047	6,878
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,342	3,488	3,096	2,333	4,223
Phải trả người bán ngắn hạn	624	559	206	113	334
Nợ dài hạn	10.5	10.5	10.6	11.9	14.4
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	11,257	11,730	11,969	11,992	13,276
Vốn chủ sở hữu	11,257	11,730	11,969	11,992	13,276
Vốn điều lệ	3,381	3,381	3,381	3,381	3,413
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)